TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vũ Hải Đăng

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Minh Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Thông báo xét xử sơ thẩm số 213/TBXX-ST ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim T**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: D Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0932.977.657. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Hoàng D**; sinh năm: 1990. Địa chỉ: D Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 090.781.9323. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim T cho rằng:

Bà và ông Lê Hoàng D sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) vào ngày 13/9/2016.

Vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và khó khăn về kinh tế nên thường cự cãi nhau. Do thương con,

bà đã cố gắng dung hoà để tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt nên mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã ly thân khoảng hơn 03 năm nay.

Trong thời gian ly thân, bà đã suy nghĩ kỹ và nhận thấy vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Minh N (nam), sinh ngày 21/11/2016.

Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Hoàng D vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Toà án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: nguyên đơn yêu cầu ly hôn, còn bị đơn là mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; hơn nữa, từ khi ly thân đến nay vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Hoàng D.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Lê Minh N (nam), sinh ngày 21/11/2016. Đề nghị giao con cho bà Huỳnh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông D theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ: bà T cho rằng không có; tuy nhiên, do ông D vắng mặt và hiện tại chưa có ai có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lê Hoàng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình yêu của hai bên. Tuy nhiên, sau khi chung sống thì cả hai xảy ra bất đồng quan điểm, không còn có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà T yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến thể hiện có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ lại; bên cạnh đó, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông D vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Hoàng D là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Minh N (nam), sinh ngày 21/11/2016.

Thấy rằng, để đảm bảo về mặt tinh thần và điều kiện chăm sóc con, cần giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông D theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà T cho rằng không có; tuy nhiên, do ông D vắng mặt và hiện tại chưa có ai có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà T phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim T.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Hoàng D.

2. **Về con chung**: Có 01 con chung là Lê Minh N (nam), sinh ngày 21/11/2016.

Giao con cho bà Huỳnh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Lê Hoàng D theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000465 ngày 15/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3- Cần Thơ.

5. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết; các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3- Cần Thơ;
- UBND P. Cái Răng, Tp. Cần Thơ;
- Phòng THA DS Khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang